

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2018/DS-ST

Ngày: 12-02-2018

V/v tranh chấp đòi lại tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Minh Trọn.

Ông Mạc Hoàng Nhủ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa: Ông Hồ Văn Kê - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 02 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 106/2017/TLST-DS ngày 19 tháng 10 năm 2017, về việc tranh chấp đòi lại tài sản; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2018/QĐXXST-DS, ngày 11 tháng 01 năm 2018. Giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Dương Văn D (D), sinh năm 1966 (có mặt); cư trú tại: Tổ 13, ấp C, xã Đ, huyện M, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: 1. Ông Dương Văn B, sinh năm 1971 (có mặt).

2. Bà Đặng Thị H, sinh năm 1972 (có mặt).

Cùng cư trú tại: K 5, thị trấn V, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 30-8-2017 cùng các văn bản khác kèm theo, nguyên đơn ông Dương Văn D (D) trình bày: Do vợ chồng ông Dương Văn B, bà Đặng Thị H gặp khó khăn về kinh tế nên vào ngày 20-3-2008, ông có cho ông Dương Văn B và bà Đặng Thị H mượn 08 chỉ vàng 24kara để trả nợ. Đến năm 2014, ông tiếp tục đứng ra trả nợ thay cho vợ chồng ông Dương Văn B, bà Đặng Thị H khoản nợ vay của Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện M, tỉnh Kiên Giang với tổng số tiền vốn và lãi là 8.192.500 đồng. Từ đó đến nay, vợ chồng ông Dương Văn B, bà Đặng Thị H không trả lại cho ông số vàng và tiền nêu trên. Nay ông yêu cầu

vợ chồng ông Dương Văn B, bà Đặng Thị H trả lại cho ông 08 chỉ vàng 24kara và số tiền 8.192.500 đồng.

Tại Biên bản hòa giải ngày 08-11-2017 và tại phiên tòa, ông Dương Văn B khai nhận: Ông được cha mẹ cho phần đất nông nghiệp với diện tích là 05 công (1.296 m²/công) tọa lạc tại ấp C, xã Đ, huyện M, tỉnh Kiên Giang. Từ năm 2008, ông Dương Văn D (D) nhiều lần thỏa thuận với vợ chồng ông để chuyển nhượng phần đất trên cho ông Dương Văn D với giá 05 lượng vàng 24kara và ông Dương Văn D (D) đưa trước cho ông bà 08 chỉ vàng 24kara để đặt cọc, còn lại 42 chỉ vàng 24kara sẽ trả dần. Nhưng nhiều lần ông Dương Văn D lần lựa không chịu trả vàng mà cho rằng đang gặp khó khăn kể cả yêu cầu được giảm giá chuyển nhượng đã được vợ chồng ông chấp nhận nhưng ông Dương Văn D cũng không thực hiện thủ tục chuyển nhượng đất và trả vàng. Do vợ chồng ông đi làm ăn xa không thường xuyên về địa phương, phần đất được ông cho người khác thuê. Năm 2014 khi về địa phương thì ông Dương Văn D đang quản lý, sử dụng đất. Ông Dương Văn D yêu cầu ông để cho ông Dương Văn D sử dụng đất đến năm 2016 thì sẽ trả đủ vàng chuyển nhượng. Đến hạn, ông Dương Văn D cũng không trả vàng, không thực hiện thủ tục chuyển nhượng mà đưa cơ giới vào cải tạo đất nên ông đã lấy lại đất và chuyển nhượng cho người khác. Vợ chồng ông có vay tiền tại Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện M, tỉnh Kiên Giang với số tiền vốn vay là 3.000.000 đồng. Năm 2014, ông Dương Văn D tự ý đứng ra trả nợ vay của Ngân hàng thay cho vợ chồng ông, chứ ông không có yêu cầu. Nay ông chấp nhận trả lại cho ông Dương Văn D số tiền mà ông Dương Văn D trả nợ vay cho Ngân hàng thay cho vợ chồng ông là 8.192.500 đồng. Riêng đối với số vàng 08 chỉ vàng 24kara là số vàng do ông Dương Văn D (D) đặt cọc để chuyển nhượng đất nhưng ông Dương Văn D không thực hiện, nên ông không đồng ý trả.

Bà Đặng Thị H thống nhất với nội dung và yêu cầu đã được ông Dương Văn B trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Dương Văn D (D). Buộc ông Dương Văn B, bà Đặng Thị H trả lại cho ông Dương Văn D (D) 08 chỉ vàng 24kara và 8.192.500 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Việc tranh chấp đòi lại tài sản giữa ông Dương Văn D (D) với ông Dương Văn B, bà Đặng Thị H là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 26 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét về nội dung tranh chấp, ông Dương Văn D (D) cho rằng ông đã cho ông Dương Văn B, bà Đặng Thị H mượn 08 chỉ vàng 24kara và trả nợ thay bằng số tiền 8.192.500 đồng, nên kiện đòi lại. Còn ông Dương Văn B, bà Đặng Thị H thì chấp nhận trả số tiền 8.192.500 đồng mà ông Dương Văn D đã trả nợ thay (khoản nợ vay của Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện M, tỉnh Kiên Giang), còn 08 chỉ vàng 24 kara thì không chấp nhận trả vì đây là số vàng do ông Dương Văn D (D) đặt cọc để chuyển nhượng đất nhưng ông Dương Văn D không thực hiện, nên không đồng ý trả lại.

Đối với khoản nợ do ông Dương Văn B vay của Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện M, tỉnh Kiên Giang đã được ông Dương Văn D (D) đứng ra trả nợ tại 02 chứng từ giao dịch ngày 17/10/2014 với tổng số tiền và lãi đã thanh toán cho Ngân hàng là 8.192.500 đồng và hiện tại ông Dương Văn B, bà Đặng Thị H đồng ý trả lại cho ông Dương Văn D số tiền trên là có căn cứ, nên được công nhận.

Còn 08 chỉ vàng 24 kara ông Dương Văn B, bà Đặng Thị H thừa nhận là có nhận của ông Dương Văn D (D) 08 chỉ vàng 24kara nhưng cho rằng đây là số vàng do ông Dương Văn D (D) đặt cọc để chuyển nhượng đất nhưng ông Dương Văn D không thực hiện, nên không đồng ý trả lại. Trong khi ông Dương Văn D (D) thì cho rằng số vàng này là ông Dương Văn B, bà Đặng Thị H mượn của ông để trả nợ chứ ông không hề có giao dịch hay thỏa thuận chuyển nhượng đất với ông Dương Văn B, bà Đặng Thị H. Việc ông có thời gian canh tác phần đất của ông Dương Văn B là do ông Dương Văn B cố phần đất cho ông Nguyễn Văn N và ông Nguyễn Văn N cho ông thuê lại để canh tác, nên việc ông Dương Văn B, bà Đặng Thị H cho rằng ông đặt cọc 08 chỉ vàng 24kara để nhận chuyển nhượng đất là không đúng.

Xét qua lời khai của các bên đương sự và chứng cứ do các bên cung cấp thì đối với ông Dương Văn B, bà Đặng Thị H không cung cấp được chứng cứ nào để chứng minh cho việc thỏa thuận chuyển nhượng đất và thỏa thuận việc đặt cọc cho giao dịch được quy định tại Điều 358 của Bộ luật dân sự năm 2005. Do vậy, không có căn cứ để chấp nhận hợp đồng đặt cọc theo lời khai của ông Dương Văn B, bà Đặng Thị H và buộc ông Dương Văn B, bà Đặng Thị H trả lại cho ông Dương Văn D (D) 08 chỉ vàng 24 kara là phù hợp.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch ông Dương Văn B, bà Đặng Thị H phải chịu theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 6; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Ông Dương Văn D(D) được hoàn lại tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 280; 290 và Điều 358 của Bộ luật dân sự 2005. Căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Dương Văn D (D).

Buộc ông Dương Văn B, bà Đặng Thị H trả cho ông Dương Văn D (D) số tiền 8.192.500 đồng và 08 chỉ vàng 24 kara (tám triệu một trăm chín mươi hai ngàn năm trăm đồng và tám chỉ vàng 24 kara).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên thi hành

án còn phải chịu lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí sơ thẩm dân sự có giá ngạch, buộc ông Dương Văn B, bà Đặng Thị H phải chịu 1.869.600 đồng. Ông Dương Văn D (D) được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 913.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006767, ngày 19/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Phòng KTNV&THA (TA tỉnh Cà Mau);
- CCTHADS huyện Phú Tân (khi có hiệu lực);
- Lưu hồ sơ vụ án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thế Phương